

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 67 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 01 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra
của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo
Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho giáo viên và trẻ
là người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt
trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Báo cáo số 18/BC-HĐND-DT ngày 25/6/2024 của HĐND tỉnh về việc
thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho giáo viên và trẻ là
người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một trên địa
bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2653/TTr-SGDDT ngày
29/6/2024,

UBND tỉnh báo cáo việc tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của
Ban Dân tộc HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết trên, cụ thể như sau:

**I. Về ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh đối với nội dung dự thảo
Nghị quyết (mục 2 Báo cáo số 18/BC-HĐND-DT ngày 25/6/2024 của HĐND tỉnh)**

1. Nội dung thứ nhất

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:** Về tên gọi của Nghị quyết, đề
nghị điều chỉnh thành: “*Nghị quyết quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học
tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh
Bình Phước*” cho phù hợp với khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDDT ngày
08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tên dự thảo Nghị quyết thành:
“*Nghị quyết quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là
người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”.

2. Nội dung thứ hai

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:** Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị
cơ quan trình dự thảo Nghị quyết nên điều chỉnh thành: “*Nghị quyết này quy định kinh
phi hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số
trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Bình Phước gồm: Nội dung hỗ trợ, định mức
chi hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho giáo viên và trẻ em là người dân tộc
thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một*” cho phù hợp với tên gọi
của Nghị quyết và nội dung thực hiện hỗ trợ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa thành:

1. Phạm vi điều chỉnh

*Nghị quyết này quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho
trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

gồm: nội dung hỗ trợ, định mức chi hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho giáo viên và trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một.

3. Nội dung thứ ba

- *Ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:*

Về đối tượng áp dụng:

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung cụm từ “ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế” vào sau cụm từ “Giáo viên và trẻ em là người dân tộc thiểu số”.

+ Tại điểm c khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung cụm từ “có liên quan đến” sau cụm từ “Các cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

- *Ý kiến của UBND tỉnh:* Tiếp thu và đã chỉnh sửa thành:

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế.

b) Giáo viên và trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thu hưởng nguồn kinh phí hỗ trợ dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung thứ tư

- *Ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:* Về nội dung, định mức hỗ trợ, đề nghị bổ sung nội dung quy định về thời gian; thống nhất đối tượng hỗ trợ là “đối với trẻ em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi điều kiện giao tiếp tiếng Việt của trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một còn hạn chế” cho phù hợp với đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vì nếu chỉ hỗ trợ cho “trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn” như dự thảo Nghị quyết thì đối tượng được hỗ trợ rất hẹp so với quy định của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (theo Quyết định 861 thì trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn 58 xã/111 xã, phường, thị trấn của tỉnh là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với 429 thôn, áp là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Trong đó, còn 05 xã khu vực III, 03 xã khu vực II, 50 xã khu vực I, 25 thôn đặc biệt khó khăn) và theo lộ trình đến năm 2025 nhiều xã ở khu vực III, xã có thôn đặc biệt khó khăn sẽ về đích nông mới nên không được công nhận là xã, thôn đặc biệt khó khăn. Do đó, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh, như sau:

“Điều 2. Nội dung, định mức hỗ trợ

1. Đối với giáo viên

a) *Tiền tiết dạy:* Mỗi giáo viên được hỗ trợ không quá 80 tiết tính theo chế độ trả lương dạy thêm giờ được quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

b) *Tài liệu dạy học:* Mỗi giáo viên được hỗ trợ 01 (một) bộ tài liệu dạy học tiếng Việt.

2. Đối với trẻ em

a) *Kinh phí học tập:* Mỗi trẻ em được hỗ trợ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

b) *Tài liệu học tập:* Mỗi trẻ em được hỗ trợ 01 (một) bộ tài liệu học tiếng Việt.

3. *Thời gian hỗ trợ:* Tối đa là một tháng trong hè, trước khi trẻ em bước vào lớp Một, áp dụng từ hè, trước khi học sinh vào lớp Một năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo”.

- Ý kiến của UBND tỉnh:

+ Đối với khoản 1, khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết: Tiếp thu đầy đủ và đã chỉnh sửa.

+ Đối với khoản 3 Điều 2: Cơ bản tiếp thu và chỉnh sửa lại như sau:

“3. *Thời gian hỗ trợ:* Tối đa là một tháng trong hè, trước khi trẻ em vào lớp Một; áp dụng từ hè, trước khi trẻ em vào lớp Một năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo”.

II. Về kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh (mục 3 Báo cáo số 18/BC-HĐND-DT ngày 25/6/2024 của HĐND tỉnh)

1. Kiến nghị thứ nhất

- *Ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:* Đây là Nghị quyết làm phát sinh nguồn chi hằng năm ngoài kế hoạch chi ngân sách; tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT có nêu chế độ chính sách cho giáo viên và trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học trước khi vào lớp Một được hưởng theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ thêm số lượng đối tượng thụ hưởng (giáo viên và trẻ em); tổng kinh phí dự kiến chi hằng năm, dự kiến ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chi. Ngoài ra, cần giải trình thêm, ngoài hưởng chính sách được quy định tại Nghị quyết này thì giáo viên và trẻ em còn được hưởng các chính sách nào theo quy định.

- Ý kiến của UBND tỉnh giải trình như sau:

(1) Về đối tượng thụ hưởng:

- *Giáo viên thực hiện theo Nghị quyết* là các giáo viên đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi tham gia các lớp dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh.

- *Trẻ em thực hiện theo Nghị quyết* là trẻ em người dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một.



Sau khi Nghị quyết ban hành, UBND tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết cụ thể; trên cơ sở đó, các đơn vị, địa phương rà soát, tổng hợp số lượng cụ thể, đảm bảo đúng quy định và phù hợp với từng thời điểm năm học.

(2) Dự kiến số lượng thụ hưởng như sau:

- Năm học 2024-2025: 152 lớp/3.290 trẻ là người DTTS.
- Năm học 2025-2026: 144 lớp/3.238 trẻ là người DTTS.
- Năm học 2026-2027: 149 lớp/3.227 trẻ là người DTTS.
- Năm học 2027-2028: 143 lớp/3.190 trẻ là người DTTS.
- Năm học 2028-2029: 145 lớp/3.161 trẻ là người DTTS.

(3) Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ cho từng năm học:

- Kinh phí hỗ trợ cho 01 năm học: khoảng từ 2,6 đến 03 tỉ đồng; trong đó định mức hỗ trợ cho từng nội dung như sau:

- + Hỗ trợ cho giáo viên: khoảng 12 triệu đồng/giáo viên/lớp.
- + Tài liệu dạy học: khoảng 260.000 đồng/giáo viên/lớp.
- + Hỗ trợ cho 01 trẻ: 100.000 đồng/trẻ/tháng.
- + Tài liệu học tập: khoảng 110.000 đồng/bộ/trẻ.

- Tổng kinh phí hỗ trợ cho 05 năm học năm học (từ năm học 2024-2025 đến năm học 2028-2029): trong khoảng từ 13 đến 15 tỉ đồng (tùy vào số lượng đối tượng thụ hưởng và giá thành tài liệu).

(4) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Điều 3 dự thảo Nghị quyết có nêu: Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Đối tượng thụ hưởng Nghị quyết là giáo viên và trẻ em thực hiện dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một thuộc các trường tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện. Các trường tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc UBND cấp huyện quản lý trực tiếp nên kinh phí hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một được chi trả tại địa phương theo phân cấp ngân sách, theo đúng quy định.

(5) Về ý kiến “Ngoài hướng chính sách được quy định tại Nghị quyết này thì giáo viên và trẻ em còn được hưởng các chính sách nào theo quy định”, UBND tỉnh giải trình như sau:

- Đối với giáo viên thụ hưởng Nghị quyết này không được hưởng các chế độ khác ngoài mức lương hiện hưởng theo quy định.

- Đối với trẻ em thụ hưởng Nghị quyết này, các em không được hưởng các chính sách nào khác trong hè.

Tuy nhiên, trong năm học (từ tháng 9 năm trước đến hết tháng 5 năm sau), có một số em được hưởng một số chính sách theo quy định tại:

+ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; trong đó quy định cụ thể tại khoản 10, Điều 20 “*Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định này với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học*”. Đối tượng thụ hưởng là học sinh tiểu học và được hưởng 09 tháng/năm học.

+ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; trong đó quy định cụ thể tại điểm a, điểm c, khoản 1, Điều 5: “*a. Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/1 năm học/học sinh*; “*Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/1 năm học/học sinh*”.

+ Nghị quyết 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, trong đó quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất của điểm a, khoản 1, Điều 2: “*a. Hỗ trợ kinh phí học tập - Hỗ trợ 100.000 đồng/học sinh/tháng (ngoài mức hỗ trợ các chính sách của Chính phủ quy định) được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học; thời điểm hỗ trợ kinh phí vào tháng đầu tiên hàng quý*”.

2. Kiến nghị thứ hai

- **Ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:** Kinh phí thực hiện Nghị quyết tập trung chủ yếu tại UBND các địa phương có đồng đồng bào DTTS, do đó đề nghị cơ quan trình dự thảo Nghị quyết báo cáo, giải trình kết quả lấy ý kiến thống nhất với UBND các địa phương về đảm bảo ngân sách để thực hiện khi nghị quyết được thông qua.

- Ý kiến của UBND tỉnh giải trình như sau:

+ Theo tiến trình công việc mà Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo Nghị quyết.

+ Sau khi tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; trong đó có ý kiến của UBND các huyện, thị xã, thành phố thì có 10/11 đơn vị thống nhất với dự thảo Nghị quyết (riêng ý kiến của UBND thị xã Bình Long đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện 80 tiết lên thành 120 tiết là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - quy định về thời lượng thực hiện không quá 80 tiết học; nên Sở Giáo dục và Đào tạo không tiếp thu và đã giải trình).

3. Kiến nghị thứ ba

- **Ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:** Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan và UBND các địa phương thống nhất đối tượng áp dụng khi triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu; sau khi Nghị quyết ban hành, UBND tỉnh sẽ giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết cụ thể, đúng quy định.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo: *Dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và hồ sơ Tờ trình số 2653/TTr-SGDDT ngày 29/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo).*./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- BTT UBM TTQVN tỉnh;
- CT, PCT, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, TC, TP;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (Nga369/29.6).



Trần Tuệ Hiền